TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 330/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2025
"V/v Tranh chấp HNGĐ - xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thúy An
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Mẫn
Bà Trần Thị Mộng Tưởng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 417/2025/TLST - HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình - xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Đ - sinh năm: 1977. (Có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Danh Oành N (tên gọi khác Út E) - sinh năm: 1977. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Huỳnh Tố, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Nay là ấp Huỳnh Tố, xã Long Thạnh, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn - chị Lê Thị Đ trình bày:

Chị Đ và anh N thông qua người mai mối, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1996. Cho đến nay anh chị không đăng ký kết hôn. Sau đó vợ chồng hạnh phúc thời gian ngắn, đến năm 1997 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do

không phù hợp tính ý, thường xuyên cãi nhau. Anh chị đã ly thân hơn 08 năm, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Theo chị Đ trình bày và giấy khai sinh có cơ sở xác định chị Đ và anh N có 02 con chung tên Danh Vũ K - sinh năm: 1999 và Danh Hồng Đ1 - sinh năm: 1997. Hiện các con đã trưởng thành, chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Danh Oành N đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tiến hành trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy chị Đ và anh N chung sống như vợ chồng từ năm 1996 cho đến nay anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị Đ có yêu cầu ly hôn nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình xử không công nhận chị Đ và anh N là vợ chồng.

Về con chung: Theo chị Đ trình bày và giấy khai sinh có cơ sở xác định, chị Đ và anh N có 02 con chung tên Danh Vũ K - sinh năm: 1999 và Danh Hồng Đ1 - sinh năm: 1997 hiện các con đã trưởng thành, chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Đ yêu cầu ly hôn với anh Danh Oành N. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã L, tỉnh An Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm

b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng anh N vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Xét thấy sự vắng mặt của anh N không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân:

Chị Đ và anh N cưới nhau vào năm 1996, đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị Đ có yêu cầu xin ly hôn nên áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị Lê Thị Đ và anh Danh O N là vợ chồng.

[2.2] Về con chung:

Theo lời trình bày của chị Đ và giấy khai sinh có cơ sở xác định, chị Đ và anh N có 02 con chung tên Danh Vũ K - sinh năm: 1999 và Danh Hồng Đ1 - sinh năm: 1997. Hiện các con đã trưởng thành, chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Lê Thị Đ phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 70 ngày 09/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật

Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
Căn cứ khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Đ và anh Danh O N là vợ chồng.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Lê Thị Đ phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 70 ngày 09/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho chị Đ và anh N biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, chị Đ được tính kể từ ngày 29/9/2025, anh N được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND KV5;
- Phòng thi hành án DS KV5-AG;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thúy An